TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2017/DSST
Ngày: 29/9/2017
Về tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Võ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-DS, ngày 21 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp: "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân thị xã A. Địa chỉ cư trú: Đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vĩnh S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C – Trưởng phòng Quản lý đô thị thị xã A.

Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2017.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N. Địa chỉ cư trú: Xóm N, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Bích L. Địa chỉ cư trú: Xóm N, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn được ủy quyền Nguyễn Đình C trình bày:

Căn cứ Quyết định số 548/2009/QĐ-TTg, ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ thay thế xe công nông, xe lôi máy, xe cơ giới ba bánh, xe thô sơ ba bốn bánh thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông; Thông tư số 122/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 548/2009/QĐ-TTg, ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ thay thế xe công nông, xe lôi máy, xe cơ giới ba bánh, xe thô sơ ba bốn bánh thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông.

Phòng Quản lý đô thị huyện (nay là thị xã) A có văn bản số 11/CV-QLĐT, ngày 13/7/2010 hướng dẫn các xã, thị trấn lập danh sách và tiến hành xác nhận đơn xin hỗ trợ của chủ phương tiện bị đình chỉ tham gia giao thông; Kế hoạch số 01/KH-QLĐT, ngày 14/9/2011 hướng dẫn kiểm tra, thẩm định hồ sơ các chủ phương tiện đình chỉ tham gia giao thông theo Quyết định số 548/2009/QĐ-TTg, ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp của Nguyễn Thanh N là chủ sở hữu xe độ chế, từ ngày 02/10/2008, đã nhận hỗ trợ 5.000.000đ chuyển đổi nghề, theo Phiếu chi không số ngày 09/01/2012 của Kho bạc nhà nước A.

Theo Kết luận thanh tra số 06/KL-CTUBND, ngày 18/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A thì trường hợp của anh Nguyễn Thanh N không được hỗ trợ 5.000.000đ chuyển đổi nghề.

Nay đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh N hoàn trả 5.000.000đ cho Ủy ban nhân dân thị xã A.

**Theo biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2017 bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:*

Anh có xe độ chế không có biển kiểm soát, khi có lệnh cấm xe công nông, xe lôi máy, xe cơ giới ba bánh, xe thô sơ ba bốn bánh không được tham gia giao thông thì anh đã bán xe thành sắt phế liệu, thời gian cụ thể không nhớ, anh đã nhận 5.000.000đ nhà nước hỗ trợ.

Nay Ủy ban nhân dân thị xã A đòi lại số tiền này anh xin trả dần.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích L đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng cố tình vắng mặt, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã A có đơn xin vắng mặt. Vợ chồng anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Bích L vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền,

nghĩa vụ của mình từ khi thụ lý đến khi ra quyết định xét xử và tại phiên tòa. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

Ủy ban nhân dân thị xã A yêu cầu anh Nguyễn Thanh N phải hoàn trả 5.000.000đ hỗ trợ chuyển đổi nghề sai quy định, các đương sự không thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử quan hệ pháp luật "Đòi lại tài sản" theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

[1.2] Về thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân thị xã A yêu cầu anh Nguyễn Thanh N phải hoàn trả 5.000.000đ thuộc tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án; Bị đơn đang cư trú trên địa bàn phường N1, thị xã A, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên Tòa:

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã A có đơn xin vắng mặt hợp lệ, được chấp nhận. Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Bích L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xử án quyết định xétn xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu.

[2.3] Về yêu cầu của Ủy ban nhân dân thị xã A buộc anh Nguyễn Thanh N phải hoàn trả 5.000.000đ hỗ trợ chuyển đổi nghề thấy rằng:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Phiếu chi 5.000.000đ do chị Nguyễn Thị Bích L (vợ anh N) ký nhận tiền vào ngày 09/01/2012 của Kho bạc nhà nước A; Giấy ủy quyền của anh N ủy quyền cho chị Liễu nhận tiền; Giấy xác nhận ngày 17/7/2012 do ông Nguyễn Văn Nga (cha anh N) viết có nội dung: xe độ chế của anh N bán sắt vụn vào năm 2006 và đã nhận tiền hỗ trợ 5.000.000đ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ gì cho tòa án. Bị đơn xác nhận có sở hữu xe độ chế, thuộc trường hợp bị đình chỉ tham gia giao thông theo quy định tại Nghị quyết 32/2007/NQ-CP, ngày 29/6/2007 của Chính phủ và quyết định 548/QĐ-TTg, ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, đã nhận 5.000.000đ tiền hỗ trợ xe độ chế của Ủy ban nhân dân thị xã A, đồng ý trả dần số tiền 5.000.000đ, ngày 20/7/2017 đã trả 3.000.000đ, như vậy bị đơn còn phải trả 2.000.000đ.

[2.4] Căn cứ của pháp luật:

Tại khoản 3 Điều 2 Quyết định 548/QĐ-TTg, ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "Mức hỗ trợ: a) Đối với trường hợp mua xe cơ giới 3, 4 bánh (loại xe được phép lưu hành theo quy định của pháp luật) hoặc chuyển đổi nghề để thay thế thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông; mức hỗ trợ 5 triệu đồng cho 01 xe phải thay thế".

Công văn số 11024/BTC-TCNH ngày 04/8/2009 của Bộ Tài chính quy định "Đối với trường hợp chủ phương tiện (A) đã bán phương tiện dạng nguyên chiếc cho người khác (B) thì chủ phương tiện (A) không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

Công văn số 6027/BTC-TCNH, ngày 17/5/2010 của Bộ Tài chính quy định "Điều kiện hỗ trợ: các địa phương chỉ thực hiện hỗ trợ đối với các chủ phương tiện thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông đã thực hiện chuyển đổi phương tiện hoặc chuyển đổi nghề trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP, ngày 29/6/2007 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 01/8/2007) đến ngày Quyết định 548/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 29/4/2009 và có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ".

Như vậy điều kiện để được nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề thì chủ phương tiện phải có phương tiện thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông, hoặc xe đã bán sắt vụn trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2007 đến 29/4/2009, nhưng xe anh N bán vào năm 2006 nên không được hỗ trợ.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân yêu cầu buộc anh Nguyễn Thanh N hoàn 5.000.000đ (năm triệu đồng) hỗ trợ chuyển đổi nghề là phù hợp với quy định của pháp luật, ngày 20/7/2017 anh Nguyễn Thanh N đã trả 3.000.000đ, như vậy anh còn phải trả 2.000.000đ.

Do chị Nguyễn Thị Bích L là vợ anh Nguyễn Thanh N nên phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trong việc hoàn trả số tiền 2.000.000đ cung với anh N theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Bích L hoàn trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Dung